TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 210/2018/QĐST-HNGĐ	Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 246/ 2018/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa:

Người yêu cầu:

- Chị Trần Thị H, sinh năm 1989.

- Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 24/591 phố H, phường V, quận B, thành phố H.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; 58; 59; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngµy 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 246 /2018 /TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Anh Trần Văn Đ và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận C, thành phố H, ngày 05 tháng 12 năm 2012.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Trần Văn Đ và và chị Trần Thị H.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh Trần Văn Đ và chị Trần Thị H có 01 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 26/7/2013.

Giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Đôn cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** Anh Đ và chị H không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về công nợ**: Anh Đ và chị H không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về lệ phí:** Chị Trần Thị H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0008383 ngày 21 / 5 /2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

III. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận B;
- Chi cục THA DS quận B;
- TAND TP. H;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Thẩm phán

Đồng Thị Lai